

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **207/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 25/7/2024

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Trần Thị X và anh Đặng Văn L”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thanh.

2. Ông Hoàng Văn Thiết.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo hình thức số hoá, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 76/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Thác Đất, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Đặng Văn L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Thác Đất, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị X có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; anh L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị X trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Đặng Văn L có quan hệ vợ chồng hợp pháp, anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 26/6/2015. Sau khi kết hôn chị và anh L chung sống tại thôn Thác Đất, xã M, huyện H. Vợ chồng chung sống hoà thuận, chỉ có những mâu thuẫn thông thường, nhưng đến giữa năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được về việc làm ăn kinh tế nên vợ chồng

thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống ly thân. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh L, chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn L.

Về con chung: Chị Trần Thị X xác định, chị và anh Đặng Văn L có 03 con chung, cháu Đặng Văn L, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2014; cháu Đặng Văn T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016; cháu Đặng Anh T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2020. Chị đề nghị khi ly hôn chị sẽ là người trực tiếp nuôi cháu Đặng Anh T, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung; chị nhất trí để anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Văn L và Đặng Văn T.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Chị Trần Thị X xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Đặng Văn L không đến Tòa án để làm việc, Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh L tại nơi cư trú, xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Tại bản tự khai anh Đặng Văn L khai nội dung: Anh xác định anh và Chị X có quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ghe tuông, vợ chồng cãi chửi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, Chị X xin ly hôn anh nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Anh Đặng Văn L xác nhận vợ chồng có 03 con chung, cháu Đặng Văn L, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2014; cháu Đặng Văn T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016; cháu Đặng Anh T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2020. Khi ly hôn anh đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, anh không yêu cầu Chị X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Đặng Văn L xác định không đề nghị Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh L cũng xác nhận có nhận được các văn bản của Tòa án nhưng do bận công việc nên không đến Tòa án để làm việc.

Kết quả xác minh qua xác minh tại địa phương thể hiện anh Đặng Văn L và chị Trần Thị X là công dân cư trú tại thôn Thác Đất, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, anh chị là vợ chồng hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn và không còn chung sống. Vợ chồng anh chị có 03 con chung, cháu Đặng Văn L, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2014; cháu Đặng Văn T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016; cháu Đặng Anh T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2020.

Cháu Đặng Văn L và Đặng Văn T đều trình bày ý kiến: Bố mẹ ly hôn không ở với nhau các cháu muốn được ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân

dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Đặng Văn L. Giao cháu Đặng Văn L, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2014 và cháu Đặng Văn T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đặng Anh T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2020 cho chị Trần Thị X trực tiếp nuôi dưỡng; anh L, Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu; anh L, Chị X có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị X và anh L tự thỏa thuận về tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đặng Văn L không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trần Thị X; Biên bản lấy lời khai đối với anh Đặng Văn L và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị X và anh Đặng Văn L tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 26 tháng 6 năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi chửi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, không có sự gắn kết, mâu thuẫn không thể hoà giải được, vợ chồng đã sống ly thân. Quan hệ hôn nhân giữa Chị X và anh L không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Anh L cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị X, xử cho Chị X được ly hôn với anh Đặng Văn L.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị X và anh Đặng Văn L có 03 con chung, cháu Đặng Văn L, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2014; cháu Đặng Văn T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016; cháu Đặng Anh T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2020. Chị X đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Anh T; anh L đề nghị khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung; Chị X và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết xác định, Chị X và anh L đều là lao động tự do, điều kiện về thu nhập và chỗ ở như nhau; anh chị có 03 con chung, việc anh L đề nghị

được nuôi dưỡng trực tiếp cả 03 con chung là không phù hợp với điều kiện thực tế, cháu L và cháu T có ý kiến bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với bố. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị X về phần con chung. Giao cháu Đặng Anh T cho Chị X trực tiếp nuôi dưỡng; giao các cháu Đặng Văn L, Đặng Văn T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; Chị X và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do cả hai đều chưa có yêu cầu cấp dưỡng; anh L Chị X có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Trần Thị X và anh Đặng Văn L đều xác định tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Văn L không đến Tòa án để làm việc theo giấy báo gọi, anh L xác nhận có nhận được các văn bản của Tòa án nhưng vì bận công việc nên không đến làm việc, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị X và anh L, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh L không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ các quy định của pháp luật, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tòa án giải quyết vụ án trong trường hợp vắng mặt một bên đương sự theo quy định.

Chị Trần Thị X có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, việc Chị X xin vắng mặt là quyền được pháp luật quy định.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị X đã nộp. Anh Đặng Văn L không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Đặng Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 26 tháng 6 năm 2015 cho chị Trần Thị X và anh Đặng Văn L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Văn L, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2014 và cháu Đặng Văn T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016 cho anh Đặng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc. Giao cháu Đặng Anh T, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2020 cho chị Trần Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc. Anh L và Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu. Anh L và Chị X có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị X phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000569 ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nộp qua Cổng dịch vụ công Quốc gia ngày 01 tháng 4 năm 2024). Chị X đã nộp đủ án phí.

Anh Đặng Văn L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị X và anh Đặng Văn L vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã M (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đàm Thị Kim Duyên - Trần Thị Vân Anh

Lương Thanh Huyền

